

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 290/2020/HNGĐ-ST
Ngày : 23 – 6 – 2020
“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chào
2. Bà Lê Trần Minh Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 638/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 91/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* TTM, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khóm 4, TTTT, huyện TT, tỉnh An Giang. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* LVH, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: Tổ 12, ấp Vĩnh Bình, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 11 năm 2019, nguyên đơn chị M trình bày như sau:

Tôi và anh H chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VTT. Thời gian chung sống không hòa hợp nhau, cuộc sống không hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên TTDD, sinh ngày 12/5/2011, hiện đang do tôi trực tiếp nuôi. Khi ly hôn, tôi yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có; nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh H nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của chị M.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị M: Có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn xin xét xử vắng mặt vẫn giữ yêu cầu ly hôn, yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh H: Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện CP phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai là tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Chị M và anh H chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến về hôn nhân. Từ khi chị M nộp đơn ly hôn đến nay, anh chị không tạo điều kiện cho nhau để đoàn tụ, anh H không quan tâm cuộc sống vợ chồng, thời gian ly thân đã lâu, không thể đoàn tụ nên dẫn đến tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

+ Về con chung: Thời gian chung sống có hai con chung tên TTTD, sinh ngày 12/5/2011, chị M yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, anh H không có ý kiến và không tranh chấp về việc nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai con chung cho M trực tiếp nuôi, chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, về nợ chung: Không có nên không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án đúng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh H vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện CP thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn anh H đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

+ Chị M và anh H chung sống, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, phù hợp với các quy định tại Điều 8, Điều 9 Bộ luật tố tụng dân sự. Thời gian chung sống, chị M trình bày vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do anh H không chăm lo cho gia đình, bất đồng quan điểm, đã ly thân trên 04 năm nay. Hội đồng xét xử nhận định, trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, anh H không đến Tòa án trình bày ý kiến về hôn nhân, không quan tâm đến cuộc sống vợ chồng, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Thời hạn chuẩn bị xét xử, chị M xác định vợ chồng ly thân đã lâu nên không còn tình cảm, không thể đoàn tụ, Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn được cung cấp thông tin là giữa anh H và chị M đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H được tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không còn quan tâm cuộc sống vợ chồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, thời gian ly thân đã lâu, anh H hoàn toàn không đến thăm con, cả hai không liên lạc với nhau, không tạo điều kiện cho nhau để đoàn tụ, chị M xác định tình cảm không còn. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh H mâu thuẫn kéo dài, không thể tiếp tục chung sống, ngày càng trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

+ Về con chung: Thời gian chung sống, chị M và anh H có 01 con chung tên TTTD, sinh ngày 12/5/2011 do chị M trực tiếp nuôi. Quá trình chuẩn bị xét xử, chị M yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, nguyện vọng của con được sống với chị M, anh H không có ý kiến và không tranh chấp về việc nuôi con. Để đảm bảo ổn định cuộc sống của con chung, Hội đồng xét xử giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Nếu chị M có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị M pH chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0005593 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; khoản 1 Điều 9; Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị TTM được ly hôn với anh LVH.

- Về con chung: Giao con chung tên TTDD, sinh ngày 12/5/2011 cho chị M trực tiếp nuôi.

+ Về cấp dưỡng cho con: Chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Chị M cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chị M pH chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2017/0005593 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

